

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển  
sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
KHÓA XV- KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường  
Trung học phổ thông Chuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung điều 23 và điều 24 quy  
chế tổ chức và hoạt động trường Trung học phổ thông Chuyên ban hành Thông tư  
số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh Lào Cai về ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo  
dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số: 261/BC-  
HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân  
tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách đặc thù hỗ  
trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 - 2025**

**Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XV, kỳ họp thứ 16, thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. *Me*

**Nơi nhận:**

- UBTV Quốc hội, Chính Phủ;
- Bộ Tài Chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH. *Me*



**Đặng Xuân Phong**

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

## **QUY ĐỊNH**

### **Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

## **Chương I**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH, GIÁO VIÊN TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÀO CAI; HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

#### **Điều 1. Chính sách hỗ trợ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn**

##### **1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

- a) Học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- b) Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;
- c) Học sinh có bố mẹ hộ khẩu thường trú tại các thôn, xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III, thôn vùng 3 thuộc xã khu vực II);
- d) Học sinh là người dân tộc thiểu số (trừ học sinh có hộ khẩu các phường ở thành phố Lào Cai).

##### **2. Mức hỗ trợ**

- a) Đối với học sinh thuộc đối tượng trên nhưng nhà ở xa trường, phải ở tại trường (không đi đến trường và trở về trong ngày) mức hỗ trợ bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng;
- b) Đối tượng còn lại (là học sinh thuộc đối tượng trên nhưng đi về trong ngày) mức hỗ trợ bằng 80% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

##### **3. Thời gian hưởng không quá 09 tháng/năm học.**

#### **Điều 2. Chính sách hỗ trợ điện, nước sinh hoạt cho học sinh ở ký túc xá**

- a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Học sinh ở ký túc xá trong trường Trung học phổ thông chuyên;
- b) Mức hỗ trợ điện thấp sáng 25kw.h/tháng/học sinh, nước sinh hoạt 04m<sup>3</sup>/tháng/học sinh;
- c) Thời gian hưởng không quá 09 tháng/năm học.

#### **Điều 3. Chính sách khuyến khích học sinh giỏi**

##### **1. Đối tượng, phạm vi áp dụng:**

- a) Học sinh lớp chuyên có hạnh kiểm tốt, đạt danh hiệu học sinh giỏi và điểm trung bình môn chuyên của học kỳ xét, cấp hỗ trợ phải đạt từ 8,5 trở lên;

- b) Học sinh các lớp còn lại có hạnh kiểm tốt, đạt danh hiệu học sinh giỏi;
- c) Ngoài 02 điều kiện trên, học sinh phải tham gia đội tuyển học sinh giỏi hoặc có dự án nghiên cứu khoa học của nhà trường mới được hưởng chính sách hỗ trợ này.

## 2. Mức hỗ trợ:

- a) Hỗ trợ 30 học sinh/trường có học lực giỏi nhất xếp theo thứ tự từ cao đến thấp (mỗi học kì chọn 30 học sinh, mỗi khối chọn 10 học sinh giỏi nhất) bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng;
- b) Hỗ trợ học sinh có học lực giỏi còn lại bằng 80% mức lương cơ sở/học sinh/tháng;
- c) Thời gian hưởng theo học kỳ.

## **Điều 4. Chính sách đối với giáo viên**

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng: Giáo viên dạy môn chuyên ở lớp chuyên.
2. Mức hỗ trợ bằng 150% mức lương cơ sở/tháng/giáo viên.
3. Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.
4. Tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

## **Điều 5. Chính sách hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên người nước ngoài**

- a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Là giáo viên người nước ngoài có năng lực chuyên môn, giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và ngoại ngữ khác (khi trường THPT chuyên có lớp chuyên ngoại ngữ tương ứng);
- b) Hình thức, số lượng: Hợp đồng lao động xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn), thời gian hợp đồng từ đủ 12 tháng đến 36 tháng, số lượng không quá 02 giáo viên/năm học; hợp đồng theo công việc nhất định (hợp đồng ngắn hạn), thời gian dưới 12 tháng, số lượng tối đa không quá 10 giáo viên/năm học.
- c) Mức hỗ trợ: Hợp đồng lao động xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn) chi trả theo hợp đồng nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng; hợp đồng theo công việc nhất định (hợp đồng ngắn hạn) chi trả theo hợp đồng nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/người/tháng.

## **Điều 6. Chính sách mời chuyên gia bồi dưỡng cho đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, quốc tế tại trường THPT chuyên; hỗ trợ học sinh và giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh**

- a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Mời chuyên gia bồi dưỡng học sinh các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, quốc tế các môn văn hóa; học sinh tham gia thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; giáo viên các môn văn hóa có học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi quốc gia quốc tế, giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật;
- b) Tiêu chuẩn: Giáo sư, Tiến sĩ, các nhà khoa học, giáo viên có nhiều kinh nghiệm có kinh nghiệm, uy tín trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

c) Mức hỗ trợ: Bồi dưỡng, tập huấn đội tuyển học sinh giỏi quốc tế các môn văn hóa, thi khoa học kỹ thuật quốc tế tối đa là 150 triệu đồng/môn (đội tuyển)/năm; Bồi dưỡng, tập huấn học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia tối đa là 120 triệu đồng/môn/năm. Mức hỗ trợ theo thực tế thời gian bồi dưỡng nhưng không quá 30 buổi/môn (đội tuyển)/năm; tham gia thi nghiên cứu khoa học cấp quốc gia được hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/sản phẩm/dự án.

**Điều 7. Các chính sách đào tạo; thu hút đối với giáo viên về dạy môn Chuyên tại trường Trung học phổ thông Chuyên:** Thực hiện theo chính sách chung của tỉnh.

**Điều 8. Chính sách khen thưởng học sinh và giáo viên các trường trung học phổ thông đạt giải trong các kỳ thi cấp Quốc gia, khu vực và Quốc tế:** Thực hiện theo chính sách chung của tỉnh.

**Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện:** Nguồn sự nghiệp giáo dục - ngân sách tỉnh.

## **Chương II**

### **HỖ TRỢ TIỀN ĂN; HỖ TRỢ CHO GIÁO VIÊN QUẢN LÝ HỌC SINH VÀ CẤP DƯỠNG NẤU ĂN CHO HỌC SINH; HỖ TRỢ HỌC PHẨM VÀ SÁCH GIÁO KHOA CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG Ở CÁC XÃ KHU VỰC III VÀ CÁC THÔNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

**Điều 10. Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Học sinh do nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km đối với học sinh Trung học phổ thông hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày phải ở bán trú, bao gồm:

a) Học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông mà bản thân, bố, mẹ có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn khu vực II;

b) Học sinh THPT là người dân tộc kinh mà bản thân, bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã khu vực III hoặc ở thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (trừ học sinh được hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn);

c) Học sinh học văn hóa tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp dạy nghề và Giáo dục thường xuyên tỉnh, trường Cao đẳng Lào Cai mà bản thân, bố, mẹ có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn khu vực II và khu vực III.

2. Mức hỗ trợ tiền ăn bằng 20% mức lương cơ sở/học sinh/tháng và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

**Điều 11. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ nhà trẻ từ 24 đến 36 tháng**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Trẻ nhà trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập mà bản thân, bố, mẹ có hộ khẩu thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

2. Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập bảo đảm một trong những điều kiện sau:

a) Có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em có hộ khẩu thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

c) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Mức hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 160.000 đồng/trẻ em/tháng và được hưởng theo số tháng thực tế nhưng không quá 09 tháng/năm học.

### **Điều 12. Hỗ trợ giáo viên trực tiếp quản lý học sinh bán trú**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Cán bộ, giáo viên, nhân viên thuộc biên chế của trường kiêm nhiệm quản lý học sinh bán trú (trừ cán bộ, giáo viên trường phổ thông dân tộc bán trú).

2. Định suất hỗ trợ: Trường có dưới 100 học sinh bán trú được bố trí 01 định suất; cứ tăng 10 học sinh bán trú trở lên thì được tính thêm 0,1 định suất.

3. Mức hỗ trợ bằng 150% mức lương cơ sở/tháng/định suất và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

### **Điều 13. Hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh bán trú**

1. Đối tượng áp dụng: Các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông có học sinh bán trú và tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai (trừ trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông đã được hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn).

2. Định mức hỗ trợ: Cứ 40 học sinh bán trú ăn tại trường thì nhà trường được hỗ trợ 01 định suất cấp dưỡng. Trường hợp dư từ 30 học sinh trở lên (tức 75% định suất) hoặc trường học có từ 30 học sinh đến dưới 40 học sinh thì được tính tròn một định suất.

3. Mức hỗ trợ bằng 100% mức lương cơ sở/tháng/định suất và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

### **Điều 14. Hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương cho học sinh**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi, học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông mà bản thân, cha, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (trừ học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ) học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập.

2. Mức hỗ trợ

a) Về sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương: Hỗ trợ kinh phí để mua sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương cho học sinh mượn, đảm bảo mỗi học sinh được mượn 01 bộ sách giáo khoa/học sinh/năm học;

b) Về hỗ trợ học phẩm cho học sinh

- Trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi được cấp 01 bộ quyển vở giúp bé nhận biết và làm quen với chữ cái và 02 bút chì/trẻ em/năm học;

- Học sinh tiểu học được cấp không quá 18 quyển vở 48 trang và 04 chiếc bút/học sinh/năm học (phù hợp với yêu cầu của chương trình học). Riêng học sinh lớp 1 được cấp thêm 01 chiếc bảng con/học sinh/năm học;

- Học sinh trung học cơ sở được cấp 30 quyển vở thép đóng sẵn 100 trang/học sinh/năm học;

- Học sinh trung học phổ thông được cấp 40 quyển vở thép đóng sẵn 120 trang/học sinh/năm học.

**Điều 15. Nguồn kinh phí thực hiện:** Nguồn sự nghiệp giáo dục-ngân sách tỉnh.

  
**CHỦ TỊCH**  
**Đặng Xuân Phong**